

KHI NHU CẦU VĂN HÓA TĂNG LÊN THÌ SỐ CON GIẢM XUỐNG

MAI QUỲNH NAM

NẾU như mức độ phát triển trung bình của dân số thế giới hiện nay, thì đến năm 2000, dân số nước ta sẽ tăng lên gần 90 triệu người.

Theo tính toán của các nhà khoa học, khi dân số tăng 1% thì khối lượng lương thực phải tăng 1,5%, thu nhập quốc dân phải tăng 4% mới đảm bảo được đời sống. Ở nước ta, mức tăng của sản xuất còn thấp kém, riêng về sản lượng lương thực từ 1970 đến 1980, mức tăng bình quân hằng năm chỉ từ 1% đến 2,5%, trong khi đó, số dân tăng bình quân hằng năm là 2,5%. Vì vậy, việc hạ thấp tỷ lệ sinh đẻ hiện nay đang trở thành một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng.

Những năm qua, Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch được triển khai rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân. Tỷ lệ sinh đẻ đã giảm xuống đáng kể, song vẫn chưa phù hợp với tình hình đất nước. Những biện pháp phòng và tránh thai không phải lúc nào cũng đạt được hiệu quả, đến nay chỉ có 30% các cặp vợ chồng ở độ tuổi sinh đẻ có dùng các biện pháp này¹. Cuộc điều tra xã hội học về dân số ở một xã tại Thái

Bình cho biết : có đến 50% số phụ nữ đã đặt vòng tránh thai lại tháo vòng ra để đẻ con.

Quy luật dân số là quy luật xã hội. Việc nghiên cứu sự vận động của quy luật này không thể chỉ dừng lại ở chỗ xem xét các biện pháp hành chính, các nỗ lực y học, mà chủ yếu phải tính đến sự tác động của những yếu tố kinh tế, tâm lý, những quan niệm truyền thống đối với việc sinh con, sự tham gia của quá trình văn hóa trong cơ cấu hoạt động của các nhóm. Tổng hợp các yếu tố này là cơ sở của việc thực hiện chuẩn mực số con cao hay thấp trong các tầng lớp xã hội.

Yếu tố văn hóa được coi là một tác nhân chi phối chuẩn mực số con của các nhóm

Những chương trình nghiên cứu xã hội học có nhiệm vụ tìm hiểu sự vận động của những quy luật dân số trong các nhóm. Qua hệ thống chỉ báo để nghiên cứu chu trình sống và mô hình văn hóa gia đình cho thấy được mối quan hệ giữa phạm trù văn hóa với những chuẩn mực số con trong các nhóm xã hội.

II

Những nghiên cứu về chu trình sống cho thấy: tiêu chí trình độ học vấn, một biểu hiện của văn hóa, có ảnh hưởng đáng kể đến các yếu tố đặc thù của các gia đình trong những tầng lớp xã hội.

¹. Xem Đặng Thu: *Máy vấn đề cấp bách về dân số*, Tạp chí Cộng sản, số 8, 1984, tr.38.

Đôi với những người thuộc nhóm trí thức, thời gian học tập tại nhà trường thường kéo dài 14, 15 năm (số năm tính cho những người học tập liên tục), họ ra trường lúc 23, 24 tuổi. Sau đó, họ còn cần một thời gian để ổn định công tác, điều này có ảnh hưởng đến tuổi kết hôn. Tuổi kết hôn của những người thuộc nhóm trí thức giữ vị trí cao nhất trong các nhóm. Khi tìm hiểu lý do muốn xây dựng gia đình, 33,3% nữ trí thức cho biết họ muốn xây dựng gia đình vì cần có thời gian để học tập, nâng cao trình độ chuyên môn. Nguyên nhân này ở nhóm nam trí thức ít hơn nhóm nữ trí thức không đáng kể, với tỷ lệ 31,8%.

Khi tìm hiểu tỷ lệ muốn có con trong các nhóm thì thấy có đến 20,7% số nữ trí thức sinh con đầu lòng ở tuổi 28. Cũng vào tuổi này, chỉ có 4% nữ nông dân và 10% nữ công nhân sinh con con đầu lòng. Tỷ lệ trên ở nhóm công nhân cao hơn nhóm nông dân, nhưng vẫn cách xa nhóm trí thức đáng kể.

Ở các gia đình trẻ, hầu hết là những gia đình hạt nhân, đã kết hôn từ 1 đến 5 năm, thuộc nhóm trí thức, còn có đến 38,6% gia đình chưa có con, trong khi 70,7% các gia đình, tỷ lệ tính chung cho các nhóm, đã có con sau 1 năm kết hôn.

Định hướng giá trị của tầng lớp trí thức có sự chi phối quá trình này. Việc thực hiện có hiệu quả những mục tiêu kế hoạch hóa gia đình để các thành viên có khả năng thỏa mãn nhu cầu văn hóa hoàn thiện năng lực chuyên môn, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho người phụ nữ thực hiện tính tích cực xã hội là nguyên nhân căn bản làm chậm hoạt động sinh con của họ.

Thời khoảng phát triển gia đình liên quan chủ yếu đến số con. Số liệu được dẫn ra từ Chương trình nghiên cứu xã hội học về vấn đề ở tại Hà Nội cho thấy: số con trung bình của nhóm trí thức thấp nhất: 3,45 con/1gia đình¹. Thời khoảng phát triển gia đình trí thức kéo dài 10,6 năm. Việc đẻ con kết thúc khi tuổi bình quân của người mẹ là 33,3, thời gian ổn định, nghĩa là thời gian để đưa con cuối cùng đến lúc đưa con lớn tách khỏi gia đình, ở nhóm gia đình trí thức dài nhất: 12,1 năm. Nhóm gia đình công nhân có số con trung bình cao nhất: 4,05 con/1gia đình. Số con cao là nguyên nhân chủ yếu kéo dài thời khoảng phát triển của gia đình. Ở nhóm công nhân, thời khoảng phát triển gia đình kéo dài đến 14,5 năm. Việc đẻ con kết thúc khi tuổi bình quân của người mẹ là 35,2. Thời gian ổn định ở nhóm gia đình công nhân là 8 năm, ngắn hơn ở nhóm gia đình trí thức 4,1 năm. Thời gian ổn định dài của nhóm gia đình trí thức tạo điều kiện thuận lợi trong việc tập trung kinh tế, phân bổ thời gian cho các hoạt động văn hóa. Điều này được thể hiện rõ khi nghiên cứu mô hình văn hóa gia đình.

Mô hình văn hóa gia đình cho thấy khả năng đáp ứng nhu cầu văn hóa và các hoạt động để thỏa mãn nhu cầu đó. Nói cách khác, mô hình văn hóa gia đình là sự cụ thể hóa những nhu cầu để phát triển những lực lượng bản chất của con người thông qua các điều kiện và hoạt động.

Mô hình văn hóa gia đình chi phối toàn diện chức năng xã hội hóa, biểu hiện trực tiếp lợi ích và xu hướng giá trị của gia đình. Điều này có ảnh hưởng rất đáng kể đến việc hình thành nhân cách trẻ em, khi yếu tố truyền thống văn hóa gia đình được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác một cách tương đối bảo thủ, lại tác động thường xuyên, trước các quá trình xã hội hóa.

¹. Xem Trần Văn Tý: *Một số kết quả nghiên cứu xã hội học về ở tại Thủ đô Hà Nội*, Hà

Mô hình văn hóa gia đình trước hết biểu hiện qua môi trường đồ vật, các phương tiện dành cho hoạt động mạnh.

So sánh tỷ lệ những chủng loại đồ dùng trong nhóm gia đình trí thức và nhóm gia đình thợ thủ công cho thấy: các chủng loại đồ dùng cho sinh hoạt văn hóa ở nhóm gia đình trí thức cao hơn ở nhóm gia đình thợ thủ công đáng kể, 50% gia đình trí thức máy thu hình, giữ tỷ lệ cao nhất trong các nhóm. Số gia đình thợ thủ công có máy thu hình là 27%, 76,7% gia đình trí thức có tủ, giá sách; con số này ở nhóm gia đình thợ thủ công chỉ dừng lại ở mức 27,7%. Nếu như nhóm gia đình thợ thủ công dành sự ưu tiên về trang bị bàn ghế cho việc tiếp khách, tỷ lệ có bàn ghế tiếp khách ở nhóm gia đình thợ thủ công cao hơn nhóm gia đình trí thức 19%, mặc dù những nghiên cứu về hoạt động giao tiếp trong phạm vi gia đình ở các tầng lớp không cho thấy những khác biệt đáng kể, thì nhóm gia đình trí thức lại dành ưu tiên vào việc trang bị bàn học cho trẻ em: 52,1 %, tỷ lệ này cao hơn nhóm gia đình thợ thủ công 19%. Việc có bàn học cho trẻ em là điều cần thiết để hoạt động học tập của các em tại gia đình trở thành nền nếp.

Những nghiên cứu về các khoản chi tiêu trong gia đình để hình dung đầy đủ hơn đời sống văn hóa của các tầng lớp xã hội. Nếu như môi trường đồ vật trong gia đình có giá trị tương đối ổn định với việc tổ chức đời sống nói chung và đời sống văn hóa nói riêng, thì việc tìm hiểu các khoản chi tiêu sẽ cho thấy những mức độ khác nhau về phương thức sinh hoạt và tiêu dùng văn hóa.

Không phải ngẫu nhiên mà việc mua sách được coi là chỉ báo cần xem xét đầu tiên đối với sự tiêu dùng cho văn hóa. Mặc dù ngày nay, các phương tiện thông tin đã phát triển phong phú, các tiến bộ kỹ thuật bước đầu có ảnh hưởng đáng kể đến đời sống, song chưa thấy dấu hiệu nào chứng tỏ rằng sách bị đẩy lùi xuống hàng thứ yếu trong các công cụ cơ bản để đến với văn hóa. Những số liệu cho thấy: 14,6% gia đình trí thức thường xuyên mua sách đọc. Tỷ lệ này ở nhóm gia đình công nhân là 5,2%. Số gia đình trí thức thường xuyên mua sách cho trẻ em cũng chiếm tỷ lệ cao nhất trong các nhóm: 26,5%. Các gia đình nhóm thợ thủ công có khoản chi tiêu mua sách thường xuyên cho các em dừng lại ở mức thấp nhất: 17,7%. Hỏi về khoản chi tiêu cho việc mua báo 33,8% gia đình trí thức cho biết họ có mua báo thường xuyên, tỷ lệ này thấp hơn ở nhóm gia đình công nhân 9%. Tuy nhiên, điều đó chưa đủ để nói là trí thức đọc báo ít hơn công nhân. Các số liệu cũng cho biết: có tới 79,1% trí thức đọc báo tại công sở. Điều này dẫn đến nhận xét là: trình độ học vấn cao của tầng lớp trí đã tạo nên sự điều chỉnh hợp lý với một dạng hoạt động văn hóa ở trong và ngoài môi trường gia đình.

Việc học tập và giáo dục văn hóa là sự thể hiện tập trung nhất cho hoạt động văn hóa của gia đình. Những nghiên cứu về quỹ thời gian và các hoạt động ở môi trường gia đình cho thấy: trong nhóm gia đình trí thức, thời gian người chồng dành cho việc học là 14 giờ mỗi tuần, thời gian học của người vợ là 8 giờ 42 phút mỗi tuần. Nhóm gia đình trí thức giữ vị trí cao nhất trong các nhóm, với 30% số người tham gia học tập trong thời gian tự do. Tỷ lệ này ở nhóm gia đình công nhân dừng lại ở mức thấp 5,4%.

Về hoạt động dạy con học, các số liệu cho thấy: năm trí thức dạy con học nhiều nhất: 42% với thời gian 58 phút mỗi ngày, 33% nữ trí thức dạy con học với thời gian

gian 52 phút mỗi ngày. Nữ công nhân dạy con học với thời gian 57 phút mỗi ngày. Thời gian dành cho một hoạt động dạy con của nữ trí thức và nữ công nhân xê xích nhau không đáng kể, song về số người tham gia thì nhóm nữ công nhân ít hơn nhóm nữ trí thức đáng kể, chỉ với 8,7% số nữ thuộc nhóm công nhân hoạt động này.

Hai nguyên nhân dưới đây chi phối sự khác biệt nói trên. Một là, số gia đình công nhân làm thêm để tăng thu nhập chiếm tỷ lệ cao nhất trong các nhóm. Hai là, do hạn chế về trình độ học vấn nên việc dạy con học thêm ở những gia đình công nhân chỉ thích hợp với các em học ở những lớp thấp. Khi các em đã lên đến năm cuối ở bậc phổ thông trung học, thì trình độ học vấn dưới bậc đại học của cha mẹ sẽ không thích hợp cho việc hướng dẫn các em học thêm. Để trả lời câu hỏi: “Gia đình ông (bà) có cho con học thêm không?”, 86,1% gia đình trí thức cho biết con cái họ có theo các lớp học thêm, giữ tỷ lệ cao nhất trong các nhóm. Các gia đình công nhân, viên chức thường cho con học thêm môn văn và toán. Phần lớn các gia đình trí thức cho con học thêm môn ngoại ngữ. Hoạt động học tập của các em phải đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện của nhà trường và những yêu cầu thực tiễn trong thi cử, do đó, việc học thêm ngoại ngữ thường đặt ra khi nói chung các em đã học khá những môn cơ bản. Điều này cho thấy khả năng giao tiếp và xu hướng mở rộng trường văn hóa của các em trong nhóm gia đình trí thức.

III

Qua hệ thống chỉ báo về chu trình sống và mô hình văn hóa gia đình, với phương pháp phân tích và so sánh các dữ kiện đã được lượng hóa trong mối quan hệ thuộc phạm trù văn hóa với chuẩn mực số con của các nhóm, cho thấy logic xã hội là: nhu cầu cao về đời sống văn hóa được hiện thực hóa bằng quá trình hoạt động, đã có tác dụng điều chỉnh hoạt động sinh đẻ của các gia đình, tạo nên những khác biệt về quy mô gia đình, về chuẩn mực số con, về phương thức thực hiện kế hoạch hóa gia đình của các nhóm xã hội.

Nhu cầu cao về văn hóa, cùng với tính tích cực trong hoạt động văn hóa, đã dẫn đến chuẩn mực số con thấp nhất ở nhóm gia đình trí thức.

Yếu tố văn hóa góp phần đáng kể vào hệ thống tổng hào các yếu tố tạo nên địa vị của tầng lớp trí thức trong hệ thống cơ cấu xã hội. Việc tìm hiểu sự kế thừa vị trí tầng lớp xã hội cho thấy: có đến 45,5% số con các gia đình trí thức trở thành trí thức. Điều này có thể được xem là kết quả tất yếu bởi các quá trình hoạt động có ý thức cũng như sự ứng xử tích cực của nhóm gia đình trí thức trước những quan hệ tự nhiên và xã hội.

Số con thực tế trong các gia đình thuộc nhóm trí thức được dẫn ra ở trên vẫn là số con cao. Kết quả tìm hiểu về nguyện vọng số con gần đây cho thấy: số người muốn có 2 con đang ở chiều hướng tăng lên¹ và trở thành chuẩn mực số con mong muốn của các nhóm. Nhóm trí thức hưởng ứng số con mong muốn này cao nhất. Ở đây có sự phù hợp giữa số con mong muốn của các nhóm với mục tiêu 2 con trong một gia đình được Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch đề ra.

¹. Xem Trịnh Thị Quan: *Vài nhận xét về số con trong gia đình*. Tạp chí *Xã hội học*, số 4

Đề số con mong muốn trở thành hiện thực, cùng với việc tích cực thực hiện các chính sách xã hội, việc áp dụng các biện pháp y học, một nhiệm vụ cơ bản, lâu dài, nhưng sẽ mang lại kết quả bền vững là phải đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hóa mới, tạo nên mô hình văn hóa gia đình kiểu mới.

Điều này càng đặc biệt có ý nghĩa, khi những số liệu thu được qua các cuộc điều tra xã hội học được tổ chức tại vùng đồng bằng Bắc Bộ trong năm 1984 cho thấy: trong bảng giá trị đời sống gia đình nông thôn hiện nay những giá trị văn hóa và học vấn đang đứng ở vị trí cuối cùng trong hệ thống giá trị chung. Vào những năm gần đây, số học sinh bỏ học đang có chiều hướng tăng lên: 32,6% số người được hỏi cho rằng việc học cao của con cái và của bản thân họ là không quan trọng. Có đến 37,5% số người dưới 26 tuổi, trong vòng một năm qua, không đi xem một bộ phim nào. Những yếu tố lạc hậu trong mô hình gia đình truyền thống, trong các quan hệ thân tộc, sự trì trệ trong lối sống vẫn là những nguyên nhân tạo nên chuẩn mực số con cao.